|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT** **NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**Ngày 7/7/2025**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [17/2024/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-39-2016-tt-nhnn-hoat-dong-cho-vay-cua-to-chuc-tin-dung-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-338877.aspx" \o "Thông tư 39/2016/TT-NHNN" \t "_blank)**

**ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

**quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán**

**tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số*[*17/2024/TT-NHNN*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-39-2016-tt-nhnn-hoat-dong-cho-vay-cua-to-chuc-tin-dung-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-338877.aspx)*ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Thông tư 17).*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số**[**17/2024/TT-NHNN**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-39-2016-tt-nhnn-hoat-dong-cho-vay-cua-to-chuc-tin-dung-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-338877.aspx)**ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

1. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tại các **Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước Khu vực)** mở tài khoản thanh toán cho **các đơn vị Kho bạc Nhà nước**, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

2. Khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Tổ chức mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:

**a) Tổ chức là pháp nhân được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;**

**b) Tổ chức là pháp nhân nước ngoài[[1]](#footnote-1);**

**c) Doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và các tổ chức khác được mở tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật.**”

3. Điểm a, điểm c (i) khoản 2, khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm a khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam:Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) hoặc Giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi;”

b) Điểm c (i) khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“(i) Hộ chiếu **hoặc** **thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[2]](#footnote-2),** đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh; hoặc”.

c) Khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng là tổ chức: Các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền; **kèm theo** các tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện hợp pháp, **kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có)** theo quy định tại khoản 2 Điều này. **Trường hợp tổ chức sử dụng tài khoản định danh điện tử, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không yêu cầu cung cấp các thông tin đã có trong tài khoản định danh điện tử của tổ chức.**”

4. Bổ sung điểm c1 khoản 1 Điều 13 như sau:

“**c1) Số hiệu tài khoản thanh toán, tên tài khoản thanh toán. Trong đó tên tài khoản thanh toán được đặt như sau:**

**(i) Đối với tài khoản thanh toán cá nhân, tên tài khoản thanh toán được đặt theo thông tin họ và tên trên giấy tờ tùy thân của khách hàng;**

**(ii) Đối với tài khoản thanh toán tổ chức, tên tài khoản thanh toán được đặt theo tên của tổ chức trên giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;**

**(iii) Đối với tài khoản thanh toán chung, tên tài khoản thanh toán do các chủ tài khoản thỏa thuận đảm bảo tên tài khoản thanh toán phù hợp với quy định pháp luật hoặc tên của các chủ tài khoản trên giấy tờ tùy thân hoặc Giấy phép thành lập, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và không trùng với tên của các tổ chức khác.”**

5. Điểm a khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số định danh cá nhân; ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn hiệu lực của giấy tờ tuỳ thân; mã số thuế (nếu có); địa chỉ đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại khác (nếu có); thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú;”

6. Sửa đổi Khoản 2 và bổ sung khoản 7 tại Điều 15 như sau:

a) Khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“2. Sau khi nhận đủ hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp và tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền. Trong đó:**

1. **Đối với chủ tài khoản thanh toán là cá nhân:**

**(i) Trường hợp chủ tài khoản hoặc người đại diện là cá nhân sử dụng thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc thẻ căn cước công dân (có bộ phận lưu trữ thông tin) hoặc danh tính điện tử, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư này;**

**(ii) Trường hợp chủ tài khoản hoặc người đại diện là cá nhân sử dụng các loại giấy tờ tùy thân khác, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó;**

**(iii) Trường hợp khách hàng là cá nhân người nước ngoài không có mặt tại Việt Nam, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện xác minh thông tin nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba hoặc thông qua việc thuê tổ chức khác nhưng phải đảm bảo bên thứ ba hoặc tổ chức khác gặp mặt trực tiếp chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó.**

**(iv) Trường hợp người đại diện là tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản này.**

**(v) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra thông tin về số điện thoại của chủ tài khoản hoặc người đại diện của chủ tài khoản đảm bảo thông tin về người sử dụng số thuê bao trùng khớp thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đó.**

**b) Đối với chủ tài khoản thanh toán là tổ chức:**

**(i) Trường hợp khách hàng là tổ chức được thành lập và hoạt động tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản này), ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản, thực hiện kiểm tra xác minh thông tin người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản theo quy định tại điểm a Khoản này.**

**(ii) Trường hợp khách hàng là pháp nhân nước ngoài (trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản này), ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện xác minh thông tin người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản qua bên thứ ba hoặc thuê tổ chức khác nhưng phải phải đảm bảo bên thứ ba hoặc tổ chức khác gặp mặt trực tiếp người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản và thực hiện kiểm tra, đối chiếu giấy tờ tùy thân, đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp với thông tin sinh trắc học hiển thị trên giấy tờ tùy thân của người đó.**

**c) Đối với tài khoản thanh toán chung:**

**(i) Trường hợp chủ tài khoản thanh toán chung là cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản này;**

**(ii) Trường hợp chủ tài khoản thanh toán chung là tổ chức thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản này.**

**d) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không bắt buộc thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản này đối với các tổ chức sau:**

**(i) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;**

**(ii) Doanh nghiệp nhà nước;**

**(iii) Các tổ chức niêm yết theo quy định tại Luật chứng khoán.**

**(iv) Các tổ chức thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố vào năm liền trước[[3]](#footnote-3).**

**(v) Các tổ chức khác do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các rủi ro từ việc lựa chọn này. Danh mục các tổ chức do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn phải được quy định tại quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản thanh toán của đơn vị.**

**Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo xác minh chính xác về khách hàng mở tài khoản và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc nhận biết khách hàng mở tài khoản thanh toán tại đơn vị mình.**

**b) Bổ sung khoản 7 như sau:**

**“7. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 15a, Điều 16 Thông tư này.”**

7. Bổ sung Điều 15a như sau:

**“Điều 15a. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam**

1. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam được ủy quyền cho tổ chức tài chính mở, đóng và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thỏa thuận hợp đồng dịch vụ lưu ký giữa tổ chức tài chính với nhà đầu tư nước ngoài. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện nhận biết đối với tổ chức tài chính được ủy quyền theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

2. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định sau đây:

a) Không áp dụng quy định về việc hợp pháp hóa lãnh sự tại điểm a khoản 6 Điều 12 Thông tư này. Đối với các tài liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài trong vòng 12 tháng tính đến ngày ngân hàng được phép nhận hồ sơ;

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ mở tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp và tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Không áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 19; điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư này;

3. Không áp dụng quy định tại Điều 16 Thông tư này trong trường hợp ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng hệ thống SWIFT để thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam.”.

8. Điểm c khoản 2 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Lưu trữ, bảo quản đầy đủ, chi tiết đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng trong quá trình mở, sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử, như: thông tin nhận biết khách hàng; các yếu tố sinh trắc học của chủ tài khoản thanh toán cá nhân, người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán; âm thanh, hình ảnh, bản ghi hình, ghi âm; số điện thoại đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng **cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng**; thông tin định danh duy nhất của thiết bị giao dịch; nhật ký giao dịch; kết quả đối chiếu thông tin sinh trắc học theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Các thông tin, dữ liệu phải được lưu trữ an toàn, bảo mật, được sao lưu dự phòng, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu, xác thực chủ tài khoản trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán, giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền. Thời gian thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và giao dịch điện tử”;

9. Sửa đổi điểm d khoản 5 và bổ sung điểm e khoản 5 Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 17 như sau:

“d) Áp dụng các **hình thức xác nhận giao dịch điện tử** đối với từng loại giao dịch trong thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ **trực tuyến trong ngành ngân hàng**”

b) Bổ sung điểm e khoản 5 Điều 17 như sau:

**“e) Quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp sau:**

**(i) Rút tiền bằng thẻ vật lý tại ATM;**

**(ii) Trích nợ tự động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư này;**

**(iii) Khách hàng tổ chức quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Thông tư này;**

**(iv) Mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 15a Thông tư này.**

10. Điểm b, c khoản 1 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Điểm b khoản 1 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Bộ tiêu chí nhận diện các tài khoản thanh toán có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí) tối thiểu bao gồm các dấu hiệu về: nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán; số lượng, giá trị, tần suất giao dịch qua tài khoản thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết khách hàng của chủ tài khoản **(bao gồm thông tin liên quan đến nghề nghiệp, chức vụ của khách hàng)[[4]](#footnote-4)**; chủ tài khoản thanh toán hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thuộc danh sách cảnh báo của cơ quan chức năng; **tài khoản thanh toán có giao dịch nhưng không thể liên hệ được với khách hàng.** Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật Bộ tiêu chí dựa trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng;”

b) Sửa đổi tiết (iii) điểm c khoản 1 Điều 19 như sau:

“(iii) Các trường hợp áp dụng từ chối hoặc tạm dừng thực hiện rút tiền, các giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử; **trong đó bao gồm trường hợp không thể liên hệ được với khách hàng theo thông tin liên hệ do khách hàng cung cấp. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định cụ thể về thời gian liên hệ với khách hàng trong quy định nội bộ về quản lý rủi ro[[5]](#footnote-5).”**

11. Sửa đổi điểm đ, i khoản 2 và bổ sung tiết (vi) vào điểm k khoản 2 Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 21 như sau:

“đ) Cập nhật thông tin khách hàng định kỳ hoặc khi khách hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán **hoặc khi có nghi ngờ về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó** **đảm bảo thông tin cập nhật được xác minh đầy đủ theo quy định** và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định khách hàng có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ tài khoản thanh toán và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật;”

b) Sửa đổi điểm i khoản 2 Điều 21 như sau:

“i) Hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán an toàn, **sử dụng đúng số hiệu tài khoản, tên tài khoản thanh toán trong thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán khi thực hiện giao dịch thanh toán và hiển thị đầy đủ trên chứng từ thanh toán,** thông báo, giải thích cho khách hàng về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của khách hàng trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Thông tư này và thỏa thuận giữa chủ tài khoản thanh toán với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;”

c) Sửa đổi điểm k khoản 2 Điều 21 như sau:

“k) Ban hành, **tổ chức thực hiện** **và tuân thủ** **đầy đủ** quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hướng dẫn, thông báo công khai **các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở, sử dụng tài khoản thanh toán và quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại[[6]](#footnote-6)** để khách hàng biết và thực hiện. Quy định nội bộ phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán, trong đó bao gồm trường hợp mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử và việc mở tài khoản thanh toán đối với các khách hàng là người khuyết tật, người không đủ năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

(ii) Quy định về thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

(iii) Quy định về việc sử dụng tài khoản thanh toán;

(iv) Quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại;

(v) Quy định về quản lý rủi ro trong việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này.

**(vi) Danh mục khách hàng tổ chức quy định tại tiết (v) điểm d khoản 2 Điều 15.”**

12. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thông tin về các tài khoản **nghi ngờ liên quan** gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo Phụ lục số 02, **Phụ lục số 03** ban hành kèm theo Thông tư này. Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo hướng dẫn kỹ thuật kết nối của Ngân hàng Nhà nước.

**Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tại Phụ lục 02, Phụ lục 03 và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước khi có thay đổi; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước.”**

**Điều 2. Bổ sung thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số**[**17/2024/TT-NHNN**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-39-2016-tt-nhnn-hoat-dong-cho-vay-cua-to-chuc-tin-dung-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-338877.aspx)**ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán**

1. Thay thế một số cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước Khu vực” tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 và khoản 2 Điều 25;

b) Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng nhà nước” bằng cụm từ “Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại khoản 2 Điều 25.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

**a) Bãi bỏ quy định tại tiết (iv) điểm a và tiết (iv) điểm b khoản 3 Điều 9;**

b) Bãi bỏ quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 16.

**3. Bổ sung cụm từ “trừ trường hợp mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 15a Thông tư này;” tại điểm a khoản 6 Điều 12; khoản 3 Điều 19 và điểm b khoản 2 Điều 21.**

4. Thay thế Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-NHNN bằng Phụ lục số 02 đính kèm Thông tư này.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Thanh toán có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. **Thanh tra Ngân hàng Nhà nước,** **Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng,** Ngân hàng Nhà nước **Khu vực** chịu trách nhiệm thanh tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

**2. Khoản 7 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như khoản 3 Điều 3; - Ban lãnh đạo NHNN; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Tư pháp (để kiểm tra); - Công báo;  - Website NHNN;  - Lưu:VP, PC, TT. | **THỐNG ĐỐC** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phụ lục số 02** | |
| |  |  | | --- | --- | | **ĐƠN VỊ**.................. (Tên Tổ chức mở tài khoản thanh toán) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |  | *............., ngày...... tháng..... năm......* | |  |

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN**

**NGHI NGỜ LIÊN QUAN GIAN LẬN, LỪA ĐẢO, VI PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Tháng ….. Năm…….)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã khách hàng (CIF)** | **Số giấy tờ tùy thân** | **Loại giấy tờ tùy thân** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Giới tính** | **Quốc tịch** | **Số hiệu tài khoản** | **Ngày mở tài khoản** | **Số điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử** | **Lý do nghi ngờ** | **Trạng thái tài khoản** | **Thông tin định danh duy nhất của thiết bị ~~(địa chỉ MAC)~~** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

***-* Thời gian cung cấp thông tin:** Trước ngày 10 hàng tháng.

- **Hình thức cung cấp thông tin:** Cung cấp thông qua Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (SIMO).

***Hướng dẫn lập bảng:***

***- Tại Cột 4:*** *Ghi rõ Loại giấy tờ tùy thân bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) tương ứng như sau: 1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.*

***- Tại Cột 6****: Ghi rõ: "M" đối với giới tính Nam, "F" đối với giới tính Nữ.*

***- Tại Cột 11:*** *Số điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử là số điện thoại đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng giao dịch ngân hàng trên internet, điện thoại di động.*

-***Tại Cột 12****: Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8) tương ứng như sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| *1.* | *Thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của chủ tài khoản thanh toán không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.* |
| *2.* | *Tài khoản thanh toán nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.* |
| *3.* | *Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).* |
| *4.* | *Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...* |
| *5.* | *Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.* |
| *6.* | *Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản thanh toán; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường…)* |
| ***7.*** | ***Tài khoản thanh toán có giao dịch nhưng không thể liên hệ được với khách hàng.*** |
| *8.* | *Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị ~~(địa chỉ MAC)~~ được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản thanh toán.* |
| *9.* | *Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.* |

***- Tại Cột 13:*** *Ghi rõ Trạng thái tài khoản bằng số (1, 2, 3, 4, 5) tương ứng như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.*

***- Tại Cột 14:*** ***Ghi rõ địa chỉ MAC, trường hợp không thể thu thập được địa chỉ MAC, cung cấp thông tin định danh khác của thiết bị như số IMEI, Serial… và ghi rõ loại thông tin định danh thay cho địa chỉ MAC.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BẢNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  *Số điện thoại liên hệ:*  *Bộ phận:* |  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục số 03**   |  |  | | --- | --- | | **ĐƠN VỊ………………**  (Tên Tổ chức mở tài khoản thanh toán) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |  | …………, ngày …..tháng …..năm ………… |   **DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN**  **NGHI NGỜ GIAN LẬN, LỪA ĐẢO, VI PHẠM PHÁP LUẬT**  *(Tháng……năm…..)*   |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã khách hàng (CIF)** | **Mã số Doanh nghiệp** | **Loại giấy phép thành lập doanh nghiệp** | **Ngày thành lập** | **Tên tổ chức** | **Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức** | **Số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp** | **Loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp** | **Họ và tên người đại diện hợp pháp** | **Ngày tháng năm sinh của người đại diện hợp pháp** | **Giới tính của người đại diện hợp pháp** | **Quốc tịch của người đại diện hợp pháp** | **Số điện thoại người đại diện hợp pháp** | **Số hiệu tài khoản** | **Ngày mở tài khoản** | **Trạng thái tài khoản** | **Lý do nghi ngờ** | **Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt ứng dụng ngân hàng của tổ chức - Mobile Banking App *(nếu có)*** | **Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng ngân hàng của tổ chức - Mobile Banking App *(nếu có)*** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* | *(16)* | *(17)* | *(18)* | *(19)* | *(20)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 10 hàng tháng.

- Cách thức gửi báo cáo: Cung cấp thông qua Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (SIMO).

**Hướng dẫn lập bảng:**

Tại Cột (9): Ghi rõ Loại giấy tờ tùy thân bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) tương ứng như sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.

Tại Cột (12): Ghi rõ "M" đối với giới tính Nam, "F" đối với giới tính Nữ.

Tại Cột (14): Số điện thoại của người đại diện hợp pháp của tổ chức mở TKTT trong hồ sơ đăng ký mở TKTT

Tại Cột (17): Ghi rõ trạng thái tài khoản thanh toán bằng số (1, 2, 3, 4, 5) tương ứng theo nội dung dưới đây: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.

Tại Cột (18): Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8) tương ứng như sau:

1. Thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán của tổ chức không trùng khớp với thông tin của tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

2. Thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của người đại diện hợp pháp không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Tài khoản thanh toán nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.

4. Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).

5. Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...

6. Tổ chức/tài khoản thanh toán/người đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.

7. Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (giá trị, số lượng, tần suất, thời gian, địa điểm giao dịch bất thường; không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lịch sử giao dịch của tổ chức).

8. ***Tài khoản thanh toán có giao dịch nhưng không thể liên hệ được với khách hàng.***

9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BẢNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** **CỦA NGÂN HÀNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

Số điện thoại liên hệ:

Bộ phận:

1. Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế. [↑](#footnote-ref-1)
2. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Luật PCRT. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tham khảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tiếp thu ý kiến Cục PCRT. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tiếp thu ý kiến Vụ DBTKOD. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tiếp thu ý kiến của các ngân hàng,quy định về quản lý rủi ro không phải thông báo công khai cho khách hàng biết. [↑](#footnote-ref-6)